



QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 10/2012/QH13

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2012

BỘ LUẬT LAO ĐỘNG (TRÍCH)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Bộ luật lao động.

Chương IX

AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Mục 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 133. Tuân thủ pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động

Mọi doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lao động, sản xuất phải tuân theo quy định của pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 134. Chính sách của nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Nhà nước đầu tư nghiên cứu khoa học, hỗ trợ phát triển các cơ sở sản xuất dụng cụ, thiết bị an toàn lao động, vệ sinh lao động, phương tiện bảo vệ cá nhân.

2. Khuyến khích phát triển các dịch vụ về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 135. Chương trình an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Chính phủ quyết định Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Chương trình an toàn lao động, vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương và đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 136. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, ban hành và hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động.



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

b) Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị an toàn lao động, vệ sinh lao động nơi làm việc;

c) Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động.

Mục 2. TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 139. Người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Người sử dụng lao động phải cử người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động. Đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực có nhiều nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và sử dụng từ 10 lao động trở lên người sử dụng lao động phải cử người có chuyên môn phù hợp làm cán bộ chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2. Người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động phải được huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 140. Xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp

1. Trong xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp, người sử dụng lao động có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ tổ chức diễn tập;

b) Trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để bảo đảm ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động;

c) Thực hiện ngay những biện pháp khắc phục hoặc ra lệnh ngừng ngay hoạt động của máy, thiết bị, nơi làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Người lao động có quyền từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình và phải báo ngay với người phụ trách trực tiếp. Người sử dụng lao động không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc đó hoặc trở lại nơi làm việc đó nếu nguy cơ chưa được khắc phục.

Điều 141. Bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại

Người làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

Việc chi trả có thể thực hiện một lần hoặc hằng tháng theo thỏa thuận của các bên.

3. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà không do lỗi của người lao động và bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được người sử dụng lao động bồi thường với mức như sau:

a) Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động nếu bị suy giảm từ 5,0% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1,0% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

b) Ít nhất 30 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động.

4. Trường hợp do lỗi của người lao động thì người lao động cũng được trợ cấp một khoản tiền ít nhất bằng 40% mức quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 146. Các hành vi bị cấm trong an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Trả tiền thay cho việc bồi dưỡng bằng hiện vật.

2. Che giấu, khai báo hoặc báo cáo sai sự thật về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Mục 3. PHÒNG NGỪA TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 147. Kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

1. Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng bởi tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

2. Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

3. Chính phủ quy định về điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Điều 148. Kế hoạch an toàn lao động, vệ sinh lao động

Hằng năm, khi xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, người sử dụng lao động phải lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động.

Điều 149. Phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động

1. Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại được người sử dụng lao động trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

y khoa để xếp hạng thương tật, xác định mức độ suy giảm khả năng lao động và được điều trị, điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động đúng theo quy định của pháp luật.

5. Người lao động sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nếu còn tiếp tục làm việc, thì được sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa lao động.

6. Người sử dụng lao động phải quản lý hồ sơ sức khỏe của người lao động và hồ sơ theo dõi tổng hợp theo quy định của Bộ Y tế.

7. Người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng, khi hết giờ làm việc phải được người sử dụng lao động bảo đảm các biện pháp khử độc, khử trùng.

Bộ luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Sinh Hùng



Chương II THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

Mục 1 THỜI GIỜ LÀM VIỆC

Điều 3. Thời giờ được tính vào thời giờ làm việc được hưởng lương

1. Nghỉ trong giờ làm việc theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.
2. Nghỉ giải lao theo tính chất của công việc.
3. Nghỉ cần thiết trong quá trình lao động đã được tính trong định mức lao động cho nhu cầu sinh lý tự nhiên của con người.
4. Thời giờ nghỉ mỗi ngày 60 phút đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
5. Nghỉ mỗi ngày 30 phút đối với lao động nữ trong thời gian hành kinh.
6. Thời giờ phải ngừng việc không do lỗi của người lao động.
7. Thời giờ học tập, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động.
8. Thời giờ hội họp, học tập, tập huấn do yêu cầu của người sử dụng lao động hoặc được người sử dụng lao động đồng ý.
9. Thời giờ hội họp, học tập, tập huấn do công đoàn cấp trên triệu tập cán bộ công đoàn không chuyên trách theo quy định của pháp luật về công đoàn.
10. Thời giờ làm việc được rút ngắn mỗi ngày ít nhất 01 giờ đối với người lao động cao tuổi trong năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu.

Điều 4. Làm thêm giờ

1. Số giờ làm thêm trong ngày được quy định như sau:
 - a) Không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; khi áp dụng quy định làm việc theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày;
 - b) Không quá 12 giờ trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hằng tuần.
2. Việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm được quy định như sau:
 - a) Các trường hợp sau đây được tổ chức làm thêm:
 - Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm là hàng dệt, may, da, giày, chế biến nông, lâm, thủy sản;
 - Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước;



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

7. Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

8. Thời gian nghỉ để hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật về công đoàn.

9. Thời gian phải ngừng việc, nghỉ việc không do lỗi của người lao động.

10. Thời gian nghỉ vì bị tạm đình chỉ công việc.

11. Thời gian bị tạm giữ, tạm giam nhưng được trở lại làm việc do được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận không phạm tội.

Điều 7. Cách tính số ngày nghỉ hằng năm đối với trường hợp làm không đủ năm

Số ngày nghỉ hằng năm theo Khoản 2 Điều 114 của Bộ luật lao động được tính như sau: lấy số ngày nghỉ hằng năm cộng với số ngày được nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), chia cho 12 tháng, nhân với số tháng làm việc thực tế trong năm để tính thành số ngày được nghỉ hằng năm; kết quả phép tính lấy tròn số hàng đơn vị, nếu phần thập phân lớn hơn hoặc bằng 0,5 thì làm tròn lên 01 đơn vị.

Điều 8. Nghỉ Tết Âm lịch

1. Thời gian nghỉ Tết Âm lịch theo Khoản 1 Điều 115 của Bộ luật lao động do người sử dụng lao động lựa chọn 01 ngày cuối năm và 04 ngày đầu năm âm lịch hoặc 02 ngày cuối năm và 03 ngày đầu năm âm lịch.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo phương án nghỉ Tết Âm lịch cho người lao động trước khi thực hiện ít nhất 30 ngày.



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

a) Người lao động cao tuổi có kinh nghiệm, tay nghề cao với thâm niên nghề nghiệp từ đủ 15 năm trở lên; được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ nghề hoặc được công nhận là nghệ nhân theo quy định của pháp luật;

b) Người lao động cao tuổi có đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành đối với nghề, công việc;

c) Sử dụng có tính thời điểm; không quá 05 năm đối với từng người lao động;

d) Phải khám sức khỏe định kỳ ít nhất 02 lần trong một năm;

đ) Có ít nhất 01 người lao động không phải là người lao động cao tuổi cùng làm việc.

2. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các điều kiện cụ thể đối với từng trường hợp đặc biệt sử dụng người lao động cao tuổi trong lĩnh vực, ngành, nghề thuộc thẩm quyền quản lý.

Mục 2

TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 12. Tai nạn lao động và sự cố nghiêm trọng

1. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động, kể cả trong thời gian nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh, chuẩn bị và kết thúc công việc tại nơi làm việc.

2. Tai nạn được coi là tai nạn lao động là tai nạn xảy ra tại địa điểm và thời gian hợp lý khi người lao động đi từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về nơi ở.

3. Tai nạn lao động được phân loại như sau:

a) Tai nạn lao động chết người;

b) Tai nạn lao động nặng;

c) Tai nạn lao động nhẹ.

4. Sự cố nghiêm trọng là tai nạn xảy ra trong quá trình lao động (không bao gồm tai nạn lao động) gây thiệt hại lớn về tài sản của người lao động, người sử dụng lao động.

Điều 13. Khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo, bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố nghiêm trọng

1. Việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng được quy định như sau:



b) Bộ Giao thông vận tải: các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động để vận hành động cơ của phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt, hàng không (không bao gồm các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được chuyên chở hoặc được lắp đặt trên phương tiện vận tải để làm việc trên các công trường, kho hàng, nơi sản xuất, kinh doanh); thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động chỉ phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí trên biển; hệ thống đường ống dẫn dầu, khí đốt trên biển;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ: lò phản ứng hạt nhân; buồng thử nghiệm tương thích điện từ; các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động làm việc trong lưới điện cao áp; các loại máy, thiết bị chứa nguồn phóng xạ, bức xạ;

d) Bộ Xây dựng: hệ thống giàn giáo; hệ thống cốp pha trượt; thanh, cột chống tổ hợp;

đ) Bộ Thông tin và Truyền thông: ăng ten bức xạ cao tần; máy khuếch đại công suất cao tần trong phát thanh, truyền hình;

e) Bộ Quốc phòng: các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động chuyên sử dụng cho mục đích quốc phòng, đặc thù quân sự;

g) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, trừ các loại máy, thiết bị, vật tư quy định tại Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.

2. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận quy định tại Khoản 1 Điều này là cơ quan có thẩm quyền cấp lại, bổ sung, sửa đổi, thu hồi, đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Điều 19. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động là 03 năm đối với Giấy chứng nhận cấp mới hoặc cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hạn.

2. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được cấp lại do bị mất, bị hỏng là thời gian còn lại của Giấy chứng nhận đã được cấp.

Điều 20. Đình chỉ hoạt động của tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bị đình chỉ hoạt động kiểm định trong các trường hợp sau đây:

1. Không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 16 Nghị định này;



g) Có trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động có trách nhiệm:

1. Ký hợp đồng với tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động để kiểm định lần đầu trước khi đưa vào sử dụng hoặc kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

2. Khai báo trước khi đưa vào sử dụng, báo cáo việc kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động với cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

1. Đề xuất các loại máy, thiết bị, vật tư thuộc lĩnh vực quản lý đưa vào danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;

2. Ban hành các quy trình kiểm định các đối tượng thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

3. Quy định chi tiết các Điều 16, Điều 17 và Điều 20 Nghị định này; điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Chứng chỉ kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý;

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý;

5. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, tổng hợp báo cáo gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền;

d) Hướng dẫn việc tổ chức đội cấp cứu tại chỗ; nội dung tập huấn về sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc;

đ) Hướng dẫn và quản lý việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe khi tuyển dụng, khám bệnh nghề nghiệp; giám định y khoa để xếp hạng thương tật, điều trị và phục hồi chức năng lao động đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Quản lý thống nhất việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

b) Chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo các hoạt động về an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm đưa nội dung an toàn lao động, vệ sinh lao động vào chương trình giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với điều kiện làm việc đối với người lao động làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, thể dục thể thao.

6. Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương; xây dựng các mục tiêu bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động.



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG. (TRÍCH)

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng,

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng lao động.
2. Người lao động.
3. Các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Quy định về phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng



4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động huy động người lao động làm thêm giờ vượt quá số giờ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật lao động hoặc quá 12 giờ trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hàng tuần.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây:

a) Không lấy ý kiến tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở khi xây dựng kế hoạch hoặc thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động;

b) Không kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc;

c) Không cử người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động;

d) Không thống kê, báo cáo định kỳ hoặc báo cáo sai sự thật về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố nghiêm trọng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây:

a) Không định kỳ đo lường các yếu tố có hại tại nơi làm việc theo quy định;

b) Không lập phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với nơi làm việc của người lao động khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động; .

c) Không bảo đảm điều kiện an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với nhà xưởng theo quy định;

d) Vi phạm các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động hoặc các tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh lao động đã công bố áp dụng trong sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển đối với các loại máy, thiết bị, vật tư, năng lượng, điện, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thay đổi công nghệ, nhập khẩu công nghệ mới;

đ) Không định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng theo quy định;

e) Không có bảng chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, nơi làm việc hoặc có nhưng không đặt ở vị trí dễ đọc, dễ thấy tại nơi làm việc;



Điều 17. Vi phạm quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người lao động có một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm;

b) Không tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động;

c) Không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được trang bị hoặc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân sai mục đích.

2. Phạt tiền người sử dụng lao động không tổ chức huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động, người học nghề, tập nghề khi tuyển dụng và sắp xếp lao động theo một trong các mức sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng với vi phạm từ 01 người đến 10 người;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với vi phạm từ 11 người đến 50 người;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với vi phạm từ 51 người đến 100 người;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng với vi phạm từ 101 người đến 300 người;

đ) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với vi phạm từ 301 người trở lên.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện ngay những biện pháp khắc phục hoặc ngừng hoạt động của máy, thiết bị, nơi làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

b) Không điều trị hoặc khám sức khỏe định kỳ hoặc lập hồ sơ sức khỏe riêng biệt cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp;

c) Không có giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định;

d) Sử dụng người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động mà không có chứng chỉ huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định;

đ) Không thông tin về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, các yếu tố nguy hiểm, có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động;



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

a) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Huấn luyện không đúng nội dung, chương trình; không đảm bảo các điều kiện về giảng viên, cơ sở vật chất khi tổ chức huấn luyện; không duy trì đúng quy định về điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện theo giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ huấn luyện mà không thực hiện huấn luyện; cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ sai đối tượng huấn luyện; thực hiện huấn luyện ngoài phạm vi quy định tại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện;

d) Từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Giả mạo hồ sơ, tài liệu trong tổ chức huấn luyện; gian lận trong hoạt động huấn luyện;

đ) Từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng khi có một trong các hành vi: Thực hiện hoạt động huấn luyện khi không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện đã hết hiệu lực; sử dụng hồ sơ, tài liệu giả mạo, sai sự thật để đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện.

7. Phạt tiền tổ chức hoạt động dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có hành vi vi phạm quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động như sau:

a) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Không duy trì đúng quy định về điều kiện hoạt động kiểm định theo giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định; liên tục trong 18 tháng không báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động kiểm định theo quy định;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Thực hiện hoạt động kiểm định ngoài phạm vi ghi trong theo giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định; không thực hiện đúng quy trình kiểm định;

d) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Sửa chữa nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định; giả mạo hồ sơ, tài liệu khi thực hiện kiểm định; gian lận trong hoạt động kiểm định;

đ) Từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Cung cấp kết quả kiểm định sai; cung cấp kết quả kiểm định mà không thực hiện kiểm định;

e) Từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Thực hiện hoạt động kiểm định nhưng không có giấy chứng nhận đủ điều



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

d) Buộc ngừng sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 5 Điều này;

đ) Buộc thu hồi giấy chứng nhận, chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 6 Điều này;

e) Buộc thu hồi kết quả kiểm định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c và Điểm đ Khoản 7 Điều này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trại lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng



Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÂN ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ

Điều 4. Tổ chức bộ phận an toàn - vệ sinh lao động

1. Cơ sở lao động phải thành lập bộ phận an toàn - vệ sinh lao động theo quy định tối thiểu sau:

- a) Cơ sở có tổng số lao động trực tiếp dưới 300 người phải bố trí ít nhất 01 cán bộ an toàn - vệ sinh lao động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm;
- b) Cơ sở có số lao động trực tiếp từ 300 đến 1.000 người phải bố trí ít nhất 01 cán bộ an toàn - vệ sinh lao động làm việc theo chế độ chuyên trách;
- c) Cơ sở lao động có tổng số lao động trực tiếp trên 1.000 người phải thành lập Phòng hoặc Ban an toàn - vệ sinh lao động hoặc bố trí tối thiểu 2 cán bộ chuyên trách an toàn - vệ sinh lao động;

2. Cán bộ an toàn - vệ sinh lao động phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kỹ thuật an toàn, kỹ thuật phòng, chống cháy nổ, kỹ thuật môi trường, vệ sinh lao động;
- b) Có hiểu biết về thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ của cơ sở.

3. Trường hợp cơ sở lao động không thành lập được bộ phận an toàn - vệ sinh lao động đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1, 2 Điều này thì phải có hợp đồng với tổ chức có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ về an toàn - vệ sinh lao động quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Chức năng và nhiệm vụ bộ phận an toàn - vệ sinh lao động

1. Chức năng:

Bộ phận an toàn - vệ sinh lao động có chức năng tham mưu, giúp việc cho người sử dụng lao động trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động an toàn - vệ sinh lao động.

2. Nhiệm vụ:

a) Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong cơ sở lao động tiến hành các công việc sau:

- Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ trong cơ sở lao động;
- Quản lý theo dõi việc đăng ký, kiểm định các máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động;



kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, của các đơn vị cấp dưới hoặc của người lao động.

7. Tham gia ý kiến vào việc thi đua, khen thưởng; tổng hợp, đề xuất khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với tập thể, cá nhân trong công tác bảo hộ lao động, an toàn - vệ sinh lao động.

Điều 7. Tổ chức bộ phận y tế tại cơ sở

1. Cơ sở lao động phải bố trí thành lập bộ phận y tế tại cơ sở theo quy định tối thiểu sau:

a) Cơ sở sử dụng số lao động trực tiếp từ 500 đến 1.000 người thì phải có ít nhất 01 nhân viên y tế có trình độ trung học chuyên ngành y.

b) Cơ sở có tổng số lao động trực tiếp trên 1.000 người cùng làm việc trên địa bàn thì phải tổ chức trạm y tế hoặc phòng hoặc ban y tế có ít nhất 01 y sĩ hoặc 01 bác sĩ đa khoa;

2. Trường hợp cơ sở lao động không thành lập được bộ phận y tế theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc là cơ sở lao động có tổng số lao động trực tiếp dưới 500 người thì phải có hợp đồng chăm sóc sức khỏe với một trong các cơ quan y tế địa phương dưới đây:

a) Trạm y tế xã, phường, thị trấn;

b) Phòng khám đa khoa khu vực;

c) Bệnh viện huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện) hoặc trung tâm y tế huyện.

Điều 8. Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận y tế

1. Chức năng: Bộ phận y tế có chức năng tham mưu, giúp việc cho người sử dụng lao động và trực tiếp thực hiện việc quản lý sức khỏe của người lao động.

2. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh thông thường tại cơ sở lao động và sơ cứu, cấp cứu các trường hợp tai nạn lao động;

b) Quản lý tình hình sức khỏe của người lao động, bao gồm: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ; khám bệnh nghề nghiệp; lưu giữ và theo dõi hồ sơ sức khỏe tuyển dụng, hồ sơ khám sức khỏe định kỳ, hồ sơ bệnh nghề nghiệp (nếu có);

c) Quản lý cơ sở trang thiết bị, thuốc men phục vụ sơ cứu, cấp cứu theo ca sản xuất (nếu có) và theo phân xưởng sản xuất;

d) Xây dựng các nội quy về vệ sinh lao động, các yếu tố nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp và các biện pháp dự phòng để người lao động tham gia phòng tránh;



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

3. Yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc hoặc có thể quyết định việc tạm đình chỉ công việc (trong trường hợp khẩn cấp) khi phát hiện các dấu hiệu vi phạm hoặc các nguy cơ gây ảnh hưởng sức khỏe, bệnh tật, ốm đau cho người lao động, đồng thời phải báo cáo người sử dụng lao động về tình trạng này.

4. Đình chỉ việc sử dụng các chất không bảo đảm quy định về vệ sinh lao động;

5. Tham gia việc tổng hợp, đề xuất khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với tập thể, cá nhân trong công tác bảo hộ lao động, an toàn - vệ sinh lao động;

6. Tham gia các cuộc họp, hội nghị và giao dịch với cơ quan y tế địa phương hoặc y tế Bộ, ngành để nâng cao nghiệp vụ và phối hợp công tác.

Điều 10. Tổ chức mạng lưới an toàn - vệ sinh viên

1. Mỗi khoa, phòng chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tổ sản xuất trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phải có ít nhất 01 an toàn - vệ sinh viên kiêm nhiệm trong giờ làm việc.

2. An toàn - vệ sinh viên phải là người lao động trực tiếp, am hiểu nghiệp vụ (chuyên môn và kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động), nhiệt tình và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định an toàn - vệ sinh lao động và được người lao động trong tổ bầu ra.

3. An toàn- vệ sinh viên hoạt động dưới sự quản lý và hướng dẫn của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc người đại diện tập thể người lao động, trên cơ sở "Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn- vệ sinh viên".

Điều 11. Nhiệm vụ của an toàn - vệ sinh viên

1. Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong tổ, phòng, khoa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn - vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng, trưởng phòng, trưởng khoa chấp hành các quy định về an toàn - vệ sinh lao động.

2. Giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy trình, nội quy an toàn - vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn - vệ sinh lao động của người lao động trong tổ, phòng, khoa; phát hiện những trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị.

3. Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động, các biện pháp, phương án làm việc an toàn - vệ sinh lao động trong phạm vi tổ, phòng, khoa; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ, phòng, khoa.

4. Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời



2. Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động ở cơ sở lao động theo định kỳ 6 tháng và hằng năm. Trong kiểm tra, nếu phát hiện thấy nguy cơ mất an toàn, có quyền yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ đó.

Chương III

KẾ HOẠCH AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 15. Lập kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động của cơ sở

1. Cơ sở lao động khi lập kế hoạch hoạt động thực hiện nhiệm vụ hằng năm của cơ sở thì đồng thời phải lập kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động. Đối với các công việc phát sinh trong năm kế hoạch phải xây dựng kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động bổ sung phù hợp với nội dung công việc.

2. Kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động phải được lập từ tổ sản xuất, phòng, ban trở lên, đồng thời phải được thông báo để mọi người lao động tham gia ý kiến.

3. Việc lập kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động phải căn cứ vào các nội dung sau:

a) Chi phí công tác an toàn - vệ sinh lao động năm trước; nhiệm vụ, phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình lao động của năm kế hoạch;

b) Những thiếu sót tồn tại trong công tác an toàn - vệ sinh lao động được rút ra từ các sự cố, vụ tai nạn lao động, cháy nổ, bệnh nghề nghiệp, các báo cáo kiểm điểm việc thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động năm trước;

c) Các kiến nghị của người lao động, của tổ chức công đoàn và của các đoàn thanh tra, kiểm tra;

d) Các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn - vệ sinh lao động, bảo hộ lao động.

4. Kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động phải bao gồm cả nội dung, biện pháp, kinh phí, thời gian hoàn thành, phân công tổ chức thực hiện. Nội dung của kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động ít nhất phải có các thông tin sau:

a) Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ;

b) Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc: lắp đặt hệ thống thông gió, hút bụi, hút hơi khí độc, hệ thống chiếu sáng, vách ngăn tiếng ồn, hệ thống chống rung sóc; cách ly vi sinh vật gây hại; cải tạo nhà tắm, nhà vệ sinh; đo kiểm môi trường lao động...;

c) Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động;



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

2. Cơ sở lao động, kể cả chi nhánh, văn phòng đại diện có trụ sở tại địa phương, đơn vị đến thi công tại địa phương phải thực hiện báo cáo công tác an toàn - vệ sinh lao động định kỳ một năm 2 lần (báo cáo 6 tháng và hằng năm) với cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý và với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Liên đoàn Lao động địa phương theo mẫu được quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo 6 tháng đầu năm phải gửi trước ngày 5 tháng 7, báo cáo năm phải gửi trước ngày 10 tháng 01 của năm sau.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động của các cơ sở lao động đóng trên địa bàn, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 30 tháng 01 hằng năm.

Điều 19. Sơ kết, tổng kết

1. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, cơ sở lao động phải tổ chức sơ kết, tổng kết công tác an toàn - vệ sinh lao động, với các nội dung: Phân tích các kết quả, các thiếu sót, tồn tại và các bài học kinh nghiệm; tổ chức khen thưởng đối với các đơn vị và cá nhân làm tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động tại cơ sở lao động; phát động phong trào thi đua bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động.

2. Việc sơ kết, tổng kết phải được thực hiện từ cấp phân xưởng, đội sản xuất lên đến cơ sở lao động.

Chương VI TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong công tác an toàn - vệ sinh lao động

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quy định về an toàn - vệ sinh lao động, tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở cơ sở lao động.

2. Có quyết định phân định trách nhiệm và quyền hạn về công tác an toàn - vệ sinh lao động cho các cán bộ quản lý, đến từng bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc, phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của cơ sở lao động. Người sử dụng lao động có thể bổ sung thêm nhân sự, trách nhiệm và quyền hạn cho các bộ phận trên để phù hợp với điều kiện của cơ sở lao động nhưng phải bảo đảm đúng thẩm quyền của mình, đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Việc phân định trách nhiệm về an toàn - vệ sinh lao động tham khảo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các cá nhân dưới quyền thực hiện



3. Tổ chức lấy ý kiến tập thể người lao động khi tiến hành các công việc sau: xây dựng nội quy, quy chế quản lý an toàn - vệ sinh lao động; xây dựng kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động; đánh giá việc thực hiện các chế độ chính sách bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, sức khỏe người lao động; tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động an toàn - vệ sinh lao động của công đoàn ở cơ sở để tham gia với người sử dụng lao động.

4. Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức các hoạt động để đẩy mạnh phong trào bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động; động viên khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến cải tiến thiết bị, máy, công nghệ nhằm cải thiện môi trường làm việc, giảm nhẹ sức lao động.

5. Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác bảo hộ lao động cho cán bộ công đoàn và mạng lưới an toàn - vệ sinh viên.

Điều 22. Quyền hạn của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn - vệ sinh lao động

1. Tham gia với người sử dụng lao động trong việc xây dựng các quy chế, nội quy quản lý về an toàn - vệ sinh lao động.

2. Tổ chức đoàn kiểm tra độc lập của Công đoàn hoặc tham gia các đoàn tự kiểm tra do cơ sở lao động tổ chức để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động, thực hiện các chế độ chính sách an toàn - vệ sinh lao động và các biện pháp bảo đảm an toàn, sức khỏe cho người lao động.

3. Kiến nghị với người sử dụng lao động thực hiện các biện pháp an toàn - vệ sinh lao động và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo đúng các quy định của pháp luật.

4. Tham gia điều tra tai nạn lao động; tham dự các cuộc họp kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về công tác an toàn - vệ sinh lao động tại cơ sở lao động.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.

Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 31 tháng 10 năm 1998 của Liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội- Bộ Y tế- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.



Phụ lục số 1

PHÂN ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CÁC PHÒNG (BAN) NGHIỆP VỤ Ở MỘT DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT- BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế)

1. Trách nhiệm của quản đốc phân xưởng hoặc các bộ phận tương đương (sau đây gọi chung là quản đốc phân xưởng)

- a) Tổ chức huấn luyện kèm cặp hướng dẫn đối với lao động mới tuyển dụng hoặc mới được chuyển đến làm việc tại phân xưởng về biện pháp làm việc an toàn trước khi giao việc cho họ;
- b) Bố trí người lao động làm việc đúng nghề được đào tạo, đã được huấn luyện và đã qua sát hạch kiến thức an toàn - vệ sinh lao động đạt yêu cầu;
- c) Không để người lao động làm việc nếu họ không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động, không sử dụng đầy đủ thiết bị an toàn, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân đã được cấp phát;
- d) Thực hiện, kiểm tra và đôn đốc các tổ trưởng sản xuất và mọi người lao động thuộc quyền quản lý thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, biện pháp làm việc an toàn và vệ sinh;
- đ) Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động, xử lý kịp thời các thiếu sót qua kiểm tra, các kiến nghị của các tổ sản xuất, các đoàn thanh tra, kiểm tra có liên quan đến trách nhiệm của phân xưởng và báo cáo với cấp trên những vấn đề ngoài khả năng giải quyết của phân xưởng;
- e) Thực hiện khai báo, báo cáo kịp thời mọi tai nạn lao động xảy ra trong phân xưởng theo quy định;
- g) Phối hợp với Chủ tịch Công đoàn bộ phận định kỳ tổ chức tự kiểm tra về an toàn - vệ sinh lao động ở cơ sở lao động, tạo điều kiện để mạng lưới an toàn, vệ sinh viên trong phân xưởng hoạt động có hiệu quả;
- h) Quản đốc phân xưởng có quyền từ chối nhận người lao động không đủ trình độ và tạm đình chỉ công việc đối với người lao động tái vi phạm các quy định bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổ trưởng sản xuất (hoặc chức vụ tương đương)



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

d) Phối hợp với bộ phận an toàn - vệ sinh lao động tham gia theo dõi việc quản lý, đăng ký, kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động.

5. Trách nhiệm của Phòng hoặc Ban tổ chức hoặc cán bộ phụ trách tổ chức lao động

a) Tham mưu đề xuất các thành phần tham gia Hội đồng BHLĐ, cán bộ làm công tác BHLĐ, đội PCCC... phù hợp với quy mô, đặc thù của đơn vị.

b) Phối hợp với các phân xưởng và các bộ phận có liên quan tổ chức và huấn luyện lực lượng phòng chống tai nạn và sự cố trong sản xuất phù hợp với đặc điểm của cơ sở lao động.

c) Phối hợp với bộ phận an toàn - vệ sinh lao động và các phân xưởng tổ chức thực hiện các chế độ bảo hộ lao động: đào tạo, nâng cao tay nghề kết hợp với huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bồi dưỡng bằng hiện vật, bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội...;

d) Bảo đảm việc cung cấp đầy đủ nhân lực để thực hiện các nội dung, biện pháp đề ra trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động.

6. Trách nhiệm của Phòng hoặc Ban tài chính hoặc cán bộ phụ trách tài chính của cơ sở lao động

a) Lập dự toán kinh phí kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động trong tổng dự toán kinh phí chung của cơ sở lao động trong kỳ kinh doanh.

b) Bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ kinh phí cho công tác an toàn - vệ sinh lao động tại cơ sở lao động.

c) Thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện kế hoạch an toàn lao động, vệ sinh lao động đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.



g) Các biện pháp khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

3. Mua sắm trang thiết bị bảo vệ cá nhân:

a) Dây an toàn; mặt nạ phòng độc; tất chống lạnh; tất chống vắt; ủng cách điện; ủng chịu axit; mũ bao tóc, mũ chống chấn thương sọ não; khẩu trang chống bụi; bao tai chống ồn; quần áo chống phóng xạ, chống điện từ trường, quần áo chống rét, quần áo chịu nhiệt v.v...

b) Các trang thiết bị khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

4. Chăm sóc sức khỏe người lao động:

a) Khám sức khỏe khi tuyển dụng;

b) Khám sức khỏe định kỳ;

c) Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp;

d) Bồi dưỡng bằng hiện vật;

đ) Điều dưỡng và phục hồi chức năng cho người lao động;...

5. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động:

a) Tổ chức huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, người lao động;

b) Chiếu phim, tham quan triển lãm an toàn - vệ sinh lao động;

c) Tổ chức thi an toàn - vệ sinh viên giỏi;

d) Tổ chức thi viết, thi vẽ đề xuất các biện pháp tăng cường công tác an toàn - vệ sinh lao động;

đ) Kê pa nô, áp phích, tranh an toàn lao động; mua tài liệu, tạp chí an toàn - vệ sinh lao động;

e) Phát các bản tin về an toàn - vệ sinh lao động trên các phương tiện truyền thông của cơ sở lao động.

g) Các biện pháp, hình thức tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.



- b) Kiểm tra chuyên đề từng nội dung kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động
- c) Kiểm tra sau đợt nghỉ sản xuất dài ngày;
- d) Kiểm tra trước hoặc sau mùa mưa, bão;
- đ) Kiểm tra sau sự cố, sau sửa chữa lớn;
- e) Kiểm tra định kỳ để nhắc nhở hoặc chấm điểm để xét duyệt thi đua;
- g) Các hình thức kiểm tra khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

3. Tổ chức việc kiểm tra

Để việc tự kiểm tra có hiệu quả, tránh hình thức, đối phó cần phải chuẩn bị chu đáo và thực hiện nghiêm chỉnh các bước sau:

a) Thành lập đoàn kiểm tra: ở cấp doanh nghiệp và cấp phân xưởng khi tự kiểm tra nhất thiết phải tổ chức đoàn kiểm tra, những người tham gia kiểm tra phải là những người có trách nhiệm của cơ sở lao động và của công đoàn, có hiểu biết về kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động;

b) Họp đoàn kiểm tra phân công nhiệm vụ cho các thành viên, xác định lịch kiểm tra;

c) Thông báo lịch kiểm tra đến các đơn vị hoặc các tổ sản xuất;

d) Tiến hành kiểm tra:

- Quản đốc phân xưởng (nếu là kiểm tra ở phân xưởng) phải báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động với đoàn kiểm tra và đề xuất các kiến nghị, biện pháp khắc phục thiếu sót tồn tại ngoài khả năng tự giải quyết của phân xưởng; dẫn đoàn kiểm tra đi xem xét thực tế và trả lời các câu hỏi, cũng như tiếp thu các chỉ dẫn của đoàn kiểm tra;

- Mọi vị trí sản xuất, kho tàng đều phải được kiểm tra.

đ) Lập biên bản kiểm tra:

- Đoàn kiểm tra ghi nhận xét và kiến nghị đối với đơn vị được kiểm tra; ghi nhận các vấn đề giải quyết thuộc trách nhiệm của cấp kiểm tra vào sổ biên bản kiểm tra của đơn vị được kiểm tra;

- Trưởng đoàn kiểm tra và trưởng bộ phận được kiểm tra phải ký vào biên bản kiểm tra.

e) Xử lý kết quả sau kiểm tra:

- Đối với các đơn vị được kiểm tra phải xây dựng kế hoạch khắc phục các thiếu sót tồn tại thuộc phạm vi của đơn vị giải quyết, đồng thời gửi cấp kiểm tra để theo dõi thực hiện;



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

- Mọi trường hợp phản ánh kiến nghị đề xuất và tiếp nhận kiến nghị đề xuất đều phải được ghi chép và ký nhận vào sổ kiến nghị về an toàn - vệ sinh lao động để có cơ sở xác định trách nhiệm.



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

2	Tai nạn lao động		
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	
	+ Trong đó, số vụ có người chết	Vụ ^o	
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	
	+ Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	Người	
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp...)	Triệu đồng	
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	
3	Bệnh nghề nghiệp		
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	
	Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp...)	Triệu đồng	
4	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		
	+ Loại I	Người	
	+ Loại II	Người	
	+ Loại III	Người	
	+ Loại IV	Người	
	+ Loại V	Người	



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

9	Tình hình đo đạc môi trường lao động		
	- Số mẫu đo môi trường lao động	Mẫu	
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn	Mẫu	
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép/Tổng số mẫu đo	Mẫu/mẫu	
	+ Nhiệt độ		
10	+ Bụi		
	+Ồn		
	+ Rung		
	+ Hơi khí độc		
	+ ...		
	Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động		
	- Các biện pháp kỹ thuật an toàn	Triệu đồng	
	- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	Triệu đồng	
	- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	Triệu đồng	
	- Chăm sóc sức khỏe người lao động	Triệu đồng	
	- Tuyên truyền, huấn luyện	Triệu đồng	
	- Chi khác	Triệu đồng	

.....ngày..... tháng.....năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

- **Tên (1) và ngành nghề kinh doanh (2):** Ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- **Loại hình doanh nghiệp (3):** Ghi theo đối tượng áp dụng của Thông tư này, cụ thể:

- o Doanh nghiệp nhà nước
- o Công ty Trách nhiệm hữu hạn/ Công ty TNHH 01 thành viên
- o Công ty cổ phần/Công ty cổ phần trên 51 % vốn thuộc sở hữu Nhà nước
- o Doanh nghiệp tư nhân



Phụ lục số 5

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT- BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế)

UBND TỈNH, THÀNH:.....

SỞ LĐTBXH:.....

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN

Năm.....

TT	Chỉ tiêu (trong kỳ báo cáo)	ĐVT	Loại hình							
			DN Nhà nước	Cty TNHH	C.ty cổ phần	DN tư nhân	Doanh nghiệp FDI	HTX	Đơn vị sự nghiệp	khác
1	Số đơn vị báo cáo	Đơn vị								
2	Lao động									
	2.1. Tổng số lao động	Người								
	Trong đó: + Lao động nữ	Người								

**TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP**

4	Bệnh nghề nghiệp									
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người								
	Trong đó, số người mắc mới BNN	Người								
	- Số ngày công nghỉ vì BNN	Ngày								
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	người								
	- Tổng chi phí cho người bị BNN phát sinh trong năm	Triệu đồng								
5	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động									
	+ Loại I	Người								
	+ Loại II	Người								
	+ Loại III	Người								
	+ Loại IV	Người								
	+ Loại V	Người								



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

8	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi									
	- Số giờ làm thêm bình quân/ngày,	Giờ								
	- Số ngày làm thêm bình quân/6 tháng (hoặc cả năm)/người	Ngày								
9	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật									
	- Tổng số người	Người								
	- Tổng chi phí	Triệu đồng								
10	Tình hình đo đạc môi trường lao động									
	- Số mẫu đo môi trường lao động	Mẫu								
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn	Mẫu								
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép/ Tổng số mẫu đo + Nhiệt độ + Bụi + Ô nhiễm + ...	Mẫu/ mẫu								



BỘ Y TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 19/2011/TT - BYT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2011

THÔNG TƯ
Hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động,
sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23/6/1994 và Bộ luật Lao động sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Căn cứ Nghị định 188/2009/NĐ-CP ngày 27/12/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; Nghị định số 22/2010/NĐ-CP ngày 09/3/2010 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị định số 188/2009/NĐ-CP ngày 27/12/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế,

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quản lý vệ sinh lao động* là quản lý các yếu tố có hại trong điều kiện và môi trường lao động đối với sức khỏe người lao động; thực hiện các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp và nâng cao khả năng lao động cho người lao động.

2. Các yếu tố *vệ sinh lao động* bao gồm yếu tố vi khí hậu (nhiệt độ, độ



c) Phần III. Thống kê các thiết bị bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường lao động;

d) Phần IV. Đăng ký kiểm tra môi trường lao động định kỳ.

2. Lập kế hoạch về quản lý vệ sinh lao động theo định kỳ hằng năm bao gồm các thông tin về dự kiến thời gian thực hiện việc đo, kiểm tra môi trường lao động, giải pháp xử lý, phòng ngừa.

3. Thực hiện việc đo, kiểm tra các yếu tố vệ sinh lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, thành lập mới cơ sở lao động phải thực hiện việc xây dựng báo cáo đánh giá tác động sức khỏe theo quy định.

Điều 5. Nội dung quản lý sức khỏe người lao động

1. Quản lý sức khỏe tuyển dụng:

a) Khám, phân loại sức khỏe trước khi tuyển dụng theo hướng dẫn tại Phụ lục số 2 của Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21/11/2007 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám sức khỏe và bố trí công việc phù hợp với sức khỏe người lao động;

b) Lập hồ sơ quản lý sức khỏe tuyển dụng của người lao động theo Biểu mẫu số 1 của Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Khám sức khỏe định kỳ:

a) Khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động, kể cả người học nghề, thực tập nghề. Khám sức khỏe định kỳ 6 tháng 1 lần cho đối tượng làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Quy trình khám sức khỏe định kỳ và việc ghi chép trong Sổ khám sức khỏe định kỳ thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 3 của Thông tư số 13/2007/TT - BYT ngày 21/11/2007 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám sức khỏe;

c) Quản lý và thống kê tình hình bệnh tật của người lao động hằng quý theo Biểu mẫu số 2 và số 3 của Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Lập hồ sơ quản lý sức khỏe của người lao động theo Biểu mẫu số 4, 5 và 6 của Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Khám bệnh nghề nghiệp:

a) Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp đối với người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp;

b) Khám phát hiện và định kỳ theo dõi bệnh nghề nghiệp: Thực hiện theo quy trình và thủ tục hướng dẫn tại Phụ lục số 1, 2 và 3 của Thông tư số 12/2006/TT-



nghiệm, giấy xác nhận đã qua tập huấn về giám sát môi trường lao động, sức khỏe lao động, bệnh nghề nghiệp và có năng lực thực hiện các xét nghiệm đo, kiểm tra môi trường lao động theo Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ, thủ tục công bố thực hiện việc đo, kiểm tra môi trường lao động

1. Hồ sơ công bố đủ điều kiện đo, kiểm tra môi trường lao động bao gồm:
 - a) Văn bản công bố đủ điều kiện đo, kiểm tra môi trường lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) Bản kê khai nhân lực, bản sao thiết kế mặt bằng và danh mục trang thiết bị của đơn vị đo, kiểm tra môi trường lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Trước khi chính thức hoạt động trong lĩnh vực đo, kiểm tra môi trường lao động 15 ngày, đơn vị thực hiện việc đo, kiểm tra môi trường lao động phải gửi hồ sơ công bố đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 7 của Thông tư này về Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế) và Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Phòng Nghiệp vụ y) nơi đơn vị đặt trụ sở.

Chương IV

QUẢN LÝ HỒ SƠ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 8. Quản lý hồ sơ

1. Hồ sơ vệ sinh lao động được lập và lưu giữ như sau:
 - a) 01 bộ lưu tại cơ sở lao động;
 - b) 01 bộ lưu tại đơn vị quản lý về sức khỏe người lao động và môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đơn vị đo, kiểm tra môi trường lao động đặt trụ sở và tại đơn vị quản lý y tế Bộ, ngành đối với trường hợp cơ sở lao động thuộc quyền quản lý của Bộ, ngành.
2. Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động được lập và được lưu giữ như sau:
 - a) 01 bộ lưu tại cơ sở lao động;
 - b) 01 bộ lưu tại đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động cho cơ sở lao động quy định tại khoản này;
 - c) 01 bộ lưu tại đơn vị quản lý về sức khỏe người lao động và môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở lao động đặt trụ sở và tại đơn



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

2. Quản lý hồ sơ vệ sinh lao động, sức khỏe và bệnh tật người lao động, hồ sơ cá nhân bệnh nghề nghiệp, hồ sơ cấp cứu tai nạn lao động, theo dõi sức khỏe và diễn biến bệnh nghề nghiệp của người lao động;

3. Hoàn chỉnh thủ tục giám định sức khỏe, bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động;

4. Thanh toán các chi phí lập hồ sơ vệ sinh lao động, đo, kiểm tra môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ, khám, điều trị bệnh nghề nghiệp và cấp cứu điều trị tai nạn lao động cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện đo, kiểm tra môi trường lao động

1. Phối hợp với người sử dụng lao động và đơn vị quản lý về sức khỏe lao động và môi trường tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị quản lý y tế Bộ, ngành, xây dựng kế hoạch đo, kiểm tra môi trường lao động khi có yêu cầu;

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đo, kiểm tra môi trường lao động do đơn vị thực hiện;

3. Lưu giữ, bảo quản kết quả đo kiểm tra môi trường lao động theo quy định hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh hoặc Trung tâm Y tế dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đối với các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đã thành lập Trung tâm Y tế dự phòng

1. Phối hợp với cơ sở lao động thuộc phạm vi quản lý lập hồ sơ vệ sinh lao động;

2. Kiểm tra, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

3. Tổng hợp số liệu, báo cáo đơn vị quản lý về bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về công tác quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp trên địa bàn.

Điều 14. Trách nhiệm của Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và y tế các Bộ, ngành

1. Phối hợp với cơ sở lao động lập hồ sơ vệ sinh lao động theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này;

2. Kiểm tra, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý;



4. Chỉ đạo các Viện thuộc hệ Y tế dự phòng và các trường Đại học y xây dựng nội dung và tổ chức tập huấn về giám sát môi trường lao động, sức khỏe lao động, bệnh nghề nghiệp;

5. Phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

Chương VI HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2011;

Thông tư số 13/1996/TT-BYT ngày 21/10/1996 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các địa phương, Bộ, ngành phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế) để nghiên cứu, xem xét và kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Phòng Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ Tư Pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Sở Y tế, Sở LĐTBXH, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC (02), MT.

KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trịnh Quân Huân



PHẦN I
TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tên cơ sở lao động: _____

- Cơ quan quản lý: _____

- Địa chỉ: _____

- Sản phẩm ngành sản xuất (Các sản phẩm chính): _____

- Năm thành lập: _____

- Tổng số người lao động: _____

- Số lao động trực tiếp sản xuất: _____

- Số lao động tiếp xúc với yếu tố nguy hiểm, độc hại: _____

2. Quy mô (Sản lượng sản phẩm):

3. Tóm tắt quy trình công nghệ:

4. Vệ sinh môi trường xung quanh:

- Khoảng cách gần nhất từ các nguồn thải đến khu dân cư: _____

- Khoảng cách gần nhất từ các nguồn thải đến nguồn nước sinh hoạt của nhân dân: _____

- Hệ thống cấp thoát nước tại cơ sở lao động: _____

- Cốt đất cao so với mức lũ lịch sử _____ mét

- Vành đai cây xanh: _____



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

6. Tổ chức y tế:

- Tổ chức phòng y tế: Có ☐ Không ☐ Hợp đồng: _____
- Giường bệnh: Có ☐ Không ☐ Số lượng ☐ ☐
- Tổng số cán bộ y tế: ☐ trong đó: ☐ Bác sĩ: ☐ ☐ Y sĩ: ☐ ☐
Y tá: ☐ ☐ Khác: ☐ ☐
- Cơ sở làm việc của Y tế (mô tả; địa chỉ nếu là đơn vị hợp đồng y tế): _____

- Cơ sở thuốc, phương tiện và dụng cụ phục vụ sơ cấp cứu tại chỗ:

- Phương án tổ chức cấp cứu tại chỗ:

7. Thống kê máy, thiết bị và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ:



PHẦN III
THỐNG KÊ CÁC THIẾT BỊ BẢO ĐẢM VỆ SINH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
(mỗi phân xưởng, khu vực 1 trang)

Năm	Phương pháp	Chủng loại và thiết bị vệ sinh môi trường lao động	Hiệu quả hoạt động
	Thông gió		
	Chiếu sáng		
	Chống ồn, rung		
	Chống bụi		
	Chống hơi khí độc		
	Chống tác nhân vi sinh vật		
	Khác		



HỒ SƠ VỆ SINH LAO ĐỘNG

Phần I: Tình hình chung

1. Tổ chức.
2. Quy mô.
3. Tóm tắt quy trình công nghệ.
4. Vệ sinh môi trường xung quanh.
5. Vệ sinh môi trường lao động.
6. Tổ chức y tế.
7. Thống kê danh mục máy, thiết bị và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ.

Phần II: Vệ sinh lao động các phân xưởng, khu vực làm việc

Phần III: Thống kê các thiết bị bảo đảm vệ sinh môi trường lao động

Phần IV: Đăng ký kiểm môi trường lao động định kỳ

Ghi chú:

- Hồ sơ vệ sinh lao động dùng để quản lý môi trường lao động, là cơ sở để xây dựng kế hoạch cải thiện điều kiện làm việc, ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và là thủ tục để giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
- Phần đăng ký kiểm môi trường lao động định kỳ do đơn vị có đủ điều kiện thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động thực hiện (được quy định tại Chương III của Thông tư này).



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

Tỉnh, Thành phố CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ sở đo, KTM TLĐ: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: _____/MTLĐ

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Thi hành Bộ luật Lao động ngày 23/6/1994 và Bộ luật Lao động sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; Nghị định 06/CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/01/1995; Nghị định 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 và Thông tư số 19/2011/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế.

(Tên cơ sở tiến hành đo kiểm tra môi trường lao động): _____

Địa chỉ:

Điện thoại:

Do ông/bà: _____ làm đại diện.

đã tiến hành đo kiểm tra môi trường lao động tại: _____

Ngày _____ tháng _____ năm 20 _____

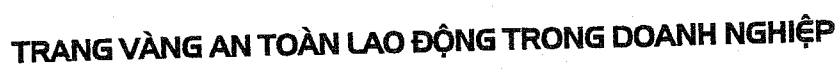
Phương pháp:

Đo các chỉ số vi khí hậu, bụi, ánh sáng, hơi độc, phóng xạ, điện từ trường tại các vị trí kỹ thuật theo phương pháp _____

Thiết bị đo:

- + Đo vi khí hậu bằng máy: _____
- + Đo ánh sáng bằng máy: _____ + Đo tiếng ồn bằng máy: _____
- + Đo bụi bằng máy: _____
- + Đo phóng xạ bằng máy: _____
- + Đo điện từ trường bằng máy: _____ + Đo hơi khí độc bằng: _____

Tiêu chuẩn tham chiếu theo các quy định hiện hành và có kết quả đo như sau:



1. Ánh sáng (Lux)

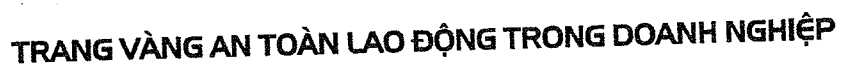
Tổng số



2. Bụi khác (ghi giá trị thực của mẫu đo được)

[illegible]

Tổng hợp kết quả đo: Tổng số mẫu bụi: Tổng số mẫu vượt TC VSLĐ:



V. CÁC YẾU TỐ KHÁC (ghi giá trị thực của mẫu đo được)

[illegible]



KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Giải pháp về biện pháp tổ chức lao động

-
-
-
-

2. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật

-
-
-
-

3. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe

-
-
-
-

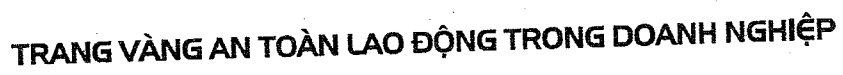
4. Các giải pháp khác

-
-
-
-

Tại các vị trí đo các yếu tố độc hại không đạt tiêu chuẩn cho phép (đã được nêu ở trên) đề nghị đơn vị có trách nhiệm xem xét các khuyến nghị trên để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động ngày 23/6/1994 và Bộ luật Lao động sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006 và 2007 và giải quyết chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người tiếp xúc độc hại theo quy định của Bộ luật Lao động ngày 23/6/1994 và Bộ luật Lao động sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006 và 2007 và Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Thủ trưởng cơ sở đo

(Ký tên và đóng dấu)



Biểu mẫu 1: QUẢN LÝ SỨC KHOẺ TUYỂN DỤNG

[illegible]



Biểu mẫu 3: TÌNH HÌNH ỐM, NGHỈ VIỆC VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Thời gian		Ốm				Tai nạn lao động				Bệnh nghề nghiệp			
Quý	Tháng (1)	Số người (2)	Tỷ lệ % (3)	Số ngày (4)	Tỷ lệ % (5)	Số người (6)	Tỷ lệ % (7)	Số ngày (8)	Tỷ lệ % (9)	Số người (10)	Tỷ lệ % (11)	Số ngày (12)	Tỷ lệ % (13)
Q.I	1												
	2												
	3												
Q.II	4												
	5												
	6												
Q.III	7												
	8												
	9												
Q.IV	10												
	11												
	12												
Cộng cả năm													

Ghi chú:

- Cột 3 tỷ lệ % so với tổng số cán bộ công nhân viên.
- Cột 7 tỷ lệ % so với tổng số cán bộ công nhân viên trực tiếp sản xuất.
- Cột 5, 9, 13 tỷ lệ % so với tổng số ngày nghỉ ốm/nghỉ do tai nạn lao động.
- Cột 11 tỷ lệ % so với tổng số công nhân tiếp xúc với các yếu tố độc hại nghề nghiệp.



Biểu mẫu 5: QUẢN LÝ BỆNH MẠN TÍNH (*)

Phân xưởng, khu vực	Tên bệnh nhân	Tên bệnh	Tình trạng	Phương pháp điều trị

(*) Khi cơ sở lao động lớn có nhiều người lao động thì có thể quản lý bệnh mạn tính theo từng bệnh.



Biểu mẫu 7: THEO DÕI BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Ngày, tháng năm	Tên bệnh	Tổng số khám	Số nghi ngờ	Số được chẩn đoán	Số được giám định	Số được cấp sổ
1	2	3	4	5	6	7



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2011/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ
CÁ NHÂN BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Tên người mắc bệnh nghề nghiệp: _

Tên bệnh: _

Phát hiện bệnh ngày __ tháng __ năm _

Tại đơn vị làm việc: Tổ: _Đội: _Phân xưởng, khu vực: _

Cơ sở lao động: _

Năm _



PHIẾU THEO DÕI DIỄN BIẾN BỆNH NGHỀ NGHIỆP CÁ NHÂN

Ngày, tháng, năm khám lại	Tình trạng của bệnh	Điều trị từ ngày	Thời gian điều dưỡng, phục hồi chức năng	Môi trường làm việc	Giám định lại	Kết quả sau đợt điều trị điều dưỡng
1	2	3	4	5	6	7



HỒ SƠ CẤP CỨU TẠI NẠN LAO ĐỘNG

Ngày, tháng, năm	Số TT	Họ tên nạn nhân	Tuổi, giới	Thời gian bị TNLD	Thời gian cấp cứu tại chỗ	Tình trạng nạn nhân, thương tích	Nguyên nhân TNLD	Xử trí cấp cứu	Thời gian nghỉ việc	Kết quả giám định tỷ lệ mất sức lao động
			Nam							
			Nữ							



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

12)	Máy đo gió	01 bộ	30)	Máy đo điện từ trường	01 bộ
13)	Máy đo vi khí hậu	01 bộ	31)	Máy đo áp lực, áp kế	01 bộ
14)	Máy đo nhiệt độ độ ẩm tự ghi	01 bộ	32)	Giá để ống nghiệm các loại	Đủ dùng
15)	Máy đo nhiệt độ da	01 bộ	33)	Lam kính, đĩa lồng, đĩa thủy tinh, bình thủy tinh hình nón, cầu, trụ, phễu	Đủ dùng
16)	Máy đo điện tích da	01 bộ			
17)	Máy đo tiêu hao năng lượng	01 bộ			
18)	Máy đếm bụi hạt hiện số ĐT	01 bộ			

* Trường hợp đơn vị chưa có đủ các trang thiết bị theo quy định tại Phụ lục 6, có thể kết hợp (thông qua hình thức hợp đồng liên kết) với các cơ sở y tế có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đo, kiểm tra môi trường lao động theo quy định tại Thông tư này.

IV	Năng lực chuyên môn kỹ thuật thực hiện các xét nghiệm, đo kiểm tra môi trường lao động	
1)	Vi khí hậu	- Nhiệt độ - Độ ẩm - Tốc độ gió - Tiêu hao năng lượng
2)	Yếu tố vật lý	- Ánh sáng - Tiếng ồn - Rung chuyển - Điện từ trường - Phóng xạ
3)	Bụi các loại	- Bụi toàn phần - Bụi hô hấp - Định lượng hàm lượng silic trong bụi
4)	Hơi khí độc	- Lấy mẫu không khí - Xét nghiệm nhanh hơi khí độc
5)	Tâm sinh lý lao động và ec-gô-nô-my	- Đánh giá gánh nặng công việc - Đánh giá mức độ căng thẳng thần kinh tâm lý



2. NỘI DUNG CÔNG BỐ

2.1. Về năng lực trang thiết bị

2.2. Về năng lực cán bộ

2.3. Công bố (Về năng lực đo, kiểm tra các yếu tố trong môi trường lao động có khả năng thực hiện)

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Đại diện đơn vị công bố

(Kí tên và đóng dấu)



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

G. Xếp loại sức khỏe năm .

Số khám SKĐK	Tổng cộng	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V	Ghi chú
Nam							
Nữ							
Tổng số	%	%	%	%	%	%	

H. Chi phí cho y tế và bảo hộ lao động

Chi phí cho hoạt động y tế: _____

trong đó tiền thuốc: _____ nghìn đồng

Chi phí cho công tác ATVSLĐ: _____ nghìn đồng

Chi phí các công việc khác nếu có: _____ nghìn đồng

Các kiến nghị và kế hoạch dự kiến trong quý tới

Thủ trưởng đơn vị

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo

(Họ tên, chức danh)



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

3. Khai thác mỏ									
4. Công nghiệp chế biến									
5. Sản xuất và phân phối năng lượng									
6. Xây dựng									
7. Thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa									
8. Khách sạn nhà hàng									
9. Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc									
10. Tài chính, tín dụng									
11. Hoạt động khoa học, công nghệ									
12. Quản lý nhà nước, an ninh q/phòng									
13. Giáo dục và đào tạo									
14. Y tế và các hoạt động cứu trợ XH									
15. Hoạt động văn hóa xã hội									
16. Các hoạt động khác									
Tổng cộng									

* Nếu có nhiều nghề trong một cơ sở sản xuất, lấy tên nghề chính (sản xuất sản phẩm chủ yếu hoặc chiếm trên 50% số công nhân)



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

5.2. Phân loại bệnh trong những bệnh nhân đến khám chữa bệnh (Số báo cáo trong kỳ tại các cơ sở gửi báo cáo).

Số cơ sở có báo cáo/tổng số cơ sở: /

Tổng số trường hợp/tổng số công nhân tại các cơ sở có báo cáo: /

TT	Nhóm bệnh	Số trường hợp	
		Số mắc	Số chết
1	Lao phổi		
2	Ung thư phổi		
3	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản cấp		
4	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản mãn		
5	Viêm phế quản cấp		
6	Viêm phế quản mãn		
7	Viêm phổi		
8	Hen phế quản, giãn phế quản, dị ứng		
9	Ỉa chảy, viêm dạ dày, ruột do NT		
10	Nội tiết		
11	Bệnh tâm thần		
12	Bệnh thần kinh trung ương và ngoại biên		
13	Bệnh mắt		
14	Bệnh tai		
15	Bệnh tim mạch		
16	Bệnh dạ dày, tá tràng		
17	Bệnh gan, mật		
18	Bệnh thận, tiết niệu		
19	Bệnh phụ khoa/số nữ		
20	Sảy thai/số nữ có thai		
21	Bệnh da		
22	Bệnh cơ, xương khớp		
23	Bệnh nghề nghiệp		
24	Bệnh sốt rét		
25	Các loại bệnh khác (Ghi rõ cụ thể)		
	-		
			
26	Số lao động bị tai nạn		
	Tổng cộng		

VI. TÌNH HÌNH KHÁM ĐỊNH KỲ VÀ PHÁT HIỆN, GIÁM ĐỊNH BỆNH NGHỀ NGHIỆP

6.1. Số cơ sở sản xuất có khám sức khỏe định kỳ/tổng số cơ sở: /



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

24	Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp						
25	Bệnh leptospira nghề nghiệp						
	Tổng cộng						

6.4. Bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm trong kỳ báo cáo

Yếu tố tiếp xúc	Tên bệnh	Họ và tên	Tuổi, giới		Tuổi đời	Tuổi nghề	Tỷ lệ giám định BNN %	Đã hưởng hoặc không hưởng bảo hiểm
			Nam	Nữ				
	Cộng dồn							

VII. CÁC KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

7.1. Các hoạt động nổi bật khác trong năm (Tuần lễ Quốc gia ATVSLĐ, nghiên cứu khoa học, truyền thống, thông tin truyền thông và các hoạt động khác)

7.2. Nhận xét của địa phương/ngành (về tình hình thực hiện kế hoạch)

7.3. Những kiến nghị chính và kế hoạch hoàn thành kế hoạch công tác y tế lao động

THỦ TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

NGƯỜI BÁO CÁO



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

III. ĐÀO TẠO CHO CÁN BỘ Y TẾ CƠ SỞ VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG (cho các đối tượng công nhân, cán bộ quản lý cơ sở sản xuất) - đính kèm một trang riêng:

TT	Nội dung	Số lớp đào tạo	Số cơ sở xí nghiệp	Tổng số học viên
1	An toàn vệ sinh lao động cho cán bộ y tế			
2	An toàn vệ sinh lao động cho cán bộ quản lý doanh nghiệp			
3	An toàn vệ sinh lao động cho người lao động			
4	Phòng chống bệnh nghề nghiệp			
5	Nâng cao sức khỏe nơi làm việc			
6	Nội dung khác			
	-			
	Tổng cộng			

IV. CƠ SỞ SẢN XUẤT TRONG PHẠM VI ĐANG QUẢN LÝ (yêu cầu báo cáo nếu có sự thay đổi)

Loại cơ sở sản xuất	Số cơ sở		Số CBCNV		Cơ sở có BS và DS Tổng số	Số cơ sở có tổ chức y tế				
	Tổng số	Ngoài QD	Tổng số	Số nữ		Ngoài QD	Tổng số	Số nữ	Chưa có CBYT	Tổng số
1. Cơ sở có trên 200 CNV										
2. Cơ sở có từ 51-200 CNV										
3. Cơ sở có dưới 50 CNV										
Tổng cộng										

V. PHÂN BỐ CÔNG NHÂN THEO NGÀNH NGHỀ (yêu cầu báo cáo nếu có sự thay đổi)

Loại ngành nghề	Cỡ nhỏ dưới 50 CN		Cỡ vừa 51-200 CN		Cỡ lớn > 200 CN		Tổng số	
	Số cơ sở	Số CN	Số cơ sở	Số CN	Số cơ sở	Số CN	Số cơ sở	Số CN
1. Nông nghiệp và lâm nghiệp								
2. Thủy sản								
3. Khai thác mỏ								
4. Công nghiệp chế biến								
5. Sản xuất và phân phối năng lượng								
6. Xây dựng								
7. Thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa								



18	Bệnh giảm áp mãn tính nghề nghiệp						
19	Bệnh sạm da nghề nghiệp						
20	Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc						
21	Bệnh nốt dầu nghề nghiệp						
22	Bệnh viêm loét da, móng và quanh móng						
23	Bệnh lao nghề nghiệp						
24	Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp						
25	Bệnh leptospira nghề nghiệp						
	Tổng cộng						

8.4. Bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm trong kỳ báo cáo

Yếu tố tiếp xúc	Tên bệnh	Họ và tên	Tuổi, giới		Tuổi đời	Tuổi nghề	Tỷ lệ giám định BNN %	Đã hưởng hoặc không hưởng bảo hiểm
			Nam	Nữ				
Cộng dồn								

IX. CÁC KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

9.1. Các hoạt động nổi bật khác trong (Tuần lễ Quốc gia ATVSLĐ, nghiên cứu khoa học, truyền thống, thông tin truyền thông và các hoạt động khác)

9.2. Nhận xét của địa phương/ngành (về tình hình thực hiện kế hoạch)

9.3. Những kiến nghị chính và kế hoạch hoàn thành kế hoạch công tác y tế lao động



THÔNG TƯ
CỦA BỘ Y TẾ SỐ 09/2000/TT-BYT NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2000
HƯỚNG DẪN CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG
CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

- Căn cứ vào Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 11/7/1989.
- Căn cứ vào Chương IX Bộ Luật Lao động ngày 23/6/1994.
- Căn cứ vào Nghị định 06/CP của Chính phủ ngày 20/01/1995 quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Căn cứ vào Nghị định 68/CP của Chính phủ ngày 11/10/1993 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế.
- Sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 946/LĐTBXH-BHLĐ ngày 3/4/2000.

Bộ Y tế hướng dẫn việc thực hiện chăm sóc sức khỏe của người lao động trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ vừa và nhỏ.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mọi tổ chức cá nhân và các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hoạt động dịch vụ (gọi chung là doanh nghiệp) sau đây:

Doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế, công ty, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, các hợp tác xã, tổ hợp sản xuất thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp, tổ chức xã hội, đoàn thể, lực lượng quân đội, công an nhân dân.

2. Các đơn vị y tế có trách nhiệm thực hiện việc chăm sóc sức khỏe người lao động.

II. QUY ĐỊNH DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ được quy định tạm thời theo Công văn số 68/CP-KTN ngày 20/6/1998 của Chính phủ như sau:

- Doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp có từ 51 đến 200 người lao động.
- Doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp có từ 50 người lao động trở xuống.

III. NỘI DUNG CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NGƯỜI LAO ĐỘNG
TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1. Có đủ các quy định về vệ sinh lao động: Nơi làm việc của người lao động



sức khỏe.

7. Khám sức khỏe định kỳ: Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ít nhất mỗi năm 1 lần. Mục đích khám sức khỏe định kỳ:

a. Phát hiện triệu chứng, dấu hiệu bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp để phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp và kịp thời điều trị, tổ chức dự phòng bệnh nghề nghiệp.

b. Theo dõi những người có bệnh mãn tính, có sức khỏe yếu để có kế hoạch đưa đi điều dưỡng, phục hồi chức năng.

Việc tổ chức khám phải gọn nhẹ, không nhất thiết phải đầy đủ các chuyên khoa nhưng phải có các chuyên khoa cần thiết để có thể chẩn đoán được bệnh nghề nghiệp. Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ theo mẫu quy định tại Thông tư này (Phụ lục số 3).

Khám phân loại sức khỏe: là khám toàn diện các chuyên khoa để đánh giá, phân loại sức khỏe người lao động của toàn doanh nghiệp. Tổ chức khám phân loại sức khỏe ít nhất 3 năm 1 lần. Những cơ sở có điều kiện thì có thể kết hợp tổ chức khám định kỳ và phân loại sức khỏe hàng năm.

8. Khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp: Người lao động làm việc ở môi trường độc hại có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp thì người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp. Tổ chức khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp cần kết hợp với khám sức khỏe định kỳ tại các cơ sở có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp. Việc khám bệnh nghề nghiệp do các phòng khám bệnh nghề nghiệp thực hiện và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định hiện hành.

9. Giám định sức khỏe do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Tất cả người lao động bị tai nạn lao động, bị bệnh nghề nghiệp đều được đi giám định sức khỏe nghề nghiệp tại Hội đồng giám định Y khoa. Người lao động bị bệnh nghề nghiệp thì phải được định kỳ khám lại 6 tháng một lần, được điều trị, phục hồi chức năng tại các cơ sở y tế. Các quy định về bệnh nghề nghiệp thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/1998/TTLT Bộ Y tế - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ngày 20/4/1998.

10. Bồi dưỡng bằng hiện vật: Nếu sau khi đã cải tạo điều kiện môi trường lao động, nhưng các yếu tố có hại vẫn không đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép, người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc ở môi trường đó (áp dụng Thông tư liên tịch số 10/1999/TTLT/BLĐTBXH/BYT ngày 17/3/1999). Cán bộ y tế cơ sở phải tham mưu cho các chủ doanh nghiệp về hiện vật cần bồi dưỡng cho người lao động theo đặc thù của công việc (đường, sữa, hoa quả...).

11. Các công trình phục vụ người lao động: Nơi làm việc của người lao động



B. TRÁCH NHIỆM CỦA Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Y tế xã phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo, kết hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác an toàn vệ sinh lao động. Chủ động phòng bệnh tích cực. Khi xuất hiện bệnh dịch, tham gia và tổ chức dập dịch kịp thời.
2. Nắm được số doanh nghiệp và yếu tố độc hại để có biện pháp hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
3. Quản lý hồ sơ sức khỏe của người lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn.
4. Tổ chức cấp cứu ban đầu cho người bệnh, tai nạn lao động, nhiễm độc các loại hoá chất và các tai biến khác.
5. Tuyên truyền công tác vệ sinh phòng chống dịch, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

C. TRÁCH NHIỆM CỦA TRUNG TÂM Y TẾ (ĐỘI Y TẾ DỰ PHÒNG) HUYỆN, VÀ THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH

Theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế số 2468/1999/QĐ-BYT ngày 17/8/1999 trách nhiệm của Đội Y tế dự phòng được quy định cụ thể như sau:

1. Phổ biến và đôn đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thực hiện các biện pháp xử lý phân, nước, rác và chất thải của quá trình sản xuất... theo hướng dẫn kỹ thuật của tuyến trên.
2. Hướng dẫn các doanh nghiệp lập hồ sơ vệ sinh lao động, quản lý các yếu tố độc hại trong môi trường lao động, quản lý sức khỏe người lao động. Hồ sơ vệ sinh lao động được sao thành 02 bản, một bản quản lý tại doanh nghiệp, một bản quản lý tại Đội Y tế dự phòng.
3. Tiến hành kiểm tra đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp khống chế và loại trừ các yếu tố độc hại phát sinh trong quá trình sản xuất để đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh lao động. Hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc thực hiện những quy định về an toàn vệ sinh lao động theo quy định pháp luật hiện hành để phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
4. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động: Đội Y tế dự phòng lập kế hoạch với các doanh nghiệp về thời gian, số lượng khám và các chuyên khoa cần khám. Cơ cấu của đoàn khám sức khỏe định kỳ cần gọn nhẹ, nhưng phải đảm bảo các yêu cầu: chuẩn đoán, chỉ định phương pháp điều trị và tổ chức dự phòng các bệnh có liên quan đến các yếu tố có hại trong môi trường lao động và có nguy cơ gây ra các bệnh nghề nghiệp. Đoàn khám sức khỏe



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp hàng năm cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
3. Hướng dẫn thực hiện các dịch vụ xét nghiệm, kiểm tra môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp.
4. Tổ chức, chăm sóc, điều dưỡng phục hồi chức năng và điều trị người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
5. Tuyên truyền huấn luyện, giáo dục cho người lao động về an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp.
6. Kiểm tra, tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác chăm sóc sức khỏe người lao động.

F. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ Y TẾ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Tổ chức, quản lý và chỉ đạo toàn diện công tác chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn.
2. Phổ biến và hướng dẫn các văn bản của nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động đối với các cơ sở y tế và các doanh nghiệp.
3. Xây dựng và củng cố tổ chức mạng lưới y tế các doanh nghiệp, y tế các tuyến làm công tác vệ sinh lao động, bệnh nghề nghiệp.
4. Củng cố nâng cấp các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ người lao động.
5. Bố trí cán bộ và tạo điều kiện nâng cao trình độ cán bộ y tế để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe người lao động.
6. Kiểm tra việc thực hiện các chế độ của nhà nước về chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong các doanh nghiệp.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Chế độ báo cáo thực hiện theo Thông tư số 13/BYT-TT ngày 21/10/1996 và được quy định như sau:

Báo cáo quý: Hàng quý các doanh nghiệp hoàn chỉnh báo cáo gửi về Trung tâm y tế quận, huyện thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (Đội Y tế dự phòng) và trạm y tế xã, phường vào ngày 20 tháng 3, 6, 9, 12.

Báo cáo 6 tháng, năm:

- Trung tâm y tế quận, huyện thị xã, thành phố thuộc tỉnh báo cáo về Sở Y tế và Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh vào ngày 20 của tháng thứ 6 và 12.



PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC NỘI DUNG HUẤN LUYỆN VỀ VỆ SINH LAO ĐỘNG, CẤP CỨU
BAN ĐẦU CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2000/TT-BYT ngày 28 tháng 04 năm 2000)

NỘI DUNG

SỐ GIỜ HỌC

I. Vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp 12 giờ

1. Tác hại của nhiệt độ, vi khí hậu nơi làm việc và biện pháp dự phòng
2. Tác hại của bức xạ nhiệt và biện pháp dự phòng.
3. Tác hại của các loại bụi và biện pháp phòng bệnh
4. Tác hại của tiếng ồn, rung và biện pháp dự phòng
5. Tác hại của hoá chất và biện pháp dự phòng
6. Giới thiệu các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm xã hội chi trả

II. Cấp cứu tại chỗ 12 giờ

1. Cấp cứu điện giật
2. Cấp cứu bỏng
3. Cấp cứu ngạt thở
4. Cấp cứu ngừng tim
5. Cầm máu, băng bó vết thương
6. Vận chuyển bệnh nhân
7. Cấp cứu tai nạn do hoá chất



17	Nẹp đùi (bộ)	01	01	02
18	Nẹp cẳng chân (bộ)	01	01	02
19	Thuốc sát trùng (lọ)	01	01	02
20	Phác đồ cấp cứu	01	01	01

3. Số lượng túi cấp cứu

Số lượng túi cấp cứu hoặc các hộp đựng dụng cụ cấp cứu cần thiết phụ thuộc vào cách sắp xếp tại cơ sở và số lượng người lao động. Nên có ít nhất 1 hộp hoặc 1 thùng đựng dụng cụ cấp cứu ở mỗi tầng nhà. Tổng số các loại túi khác nhau được trình bày ở dưới theo số lượng người lao động.

Số lượng người lao động

Dưới 25 người

Từ 26 đến 50 người

Cứ 51 đến 150 người

Số lượng và loại túi cấp cứu

Ít nhất 01 túi loại A

Có ít nhất 01 túi loại B

Có ít nhất 01 túi loại C

Ghi chú: 01 túi B tương đương với 02 túi A và 01 túi C tương đương với 02 túi B.



HỒ SƠ KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

Tên đơn vị:

Tỉnh/Thành phố:

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG: (phần này do đơn vị tự khai)

1. Họ và tên:

2. Năm sinh:

3. Nam ☐

Nữ ☐

4. Quê quán:

5. Địa chỉ thường trú:

5. Năm bắt đầu làm việc:

5. Tên công việc hiện nay:

6. Thuộc nghề

7. Năm bắt đầu làm công việc hiện nay:

8. Đánh dấu các yếu tố tiếp xúc đối với công việc hiện nay:

Nóng quá ☐

Lạnh quá ☐

Ồn ☐

Rung ☐

Bụi ☐

Khói, khí độc ☐

Dung môi ☐

Hóa chất khác ☐

Căng thẳng ☐

Ánh sáng ☐

Quá mạnh ☐

Không đủ ☐

Yếu tố khác:

9. Đánh dấu các trang thiết bị bảo hộ được cấp:

Găng tay ☐

Khẩu trang-thường ☐

Bán mặt nạ ☐

Mặt nạ phòng độc ☐

Nút tai ☐

Kính ☐

Áo quần bảo hộ ☐

Ủng/giày ☐

Khác: ☐

10. Xếp loại sức khỏe trước khi vào làm việc tại đơn vị:

11. Hút thuốc lá/lào: có ☐

Không ☐

12. Nếu có, đã hút thuốc bao nhiêu năm:

13. Những bệnh mãn tính hiện có:

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI - BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- *** -----

Số: 12/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH HƯỚNG DẪN VIỆC KHAI BÁO, ĐIỀU TRA, THỐNG KÊ VÀ BÁO CÁO TAI NẠN LAO ĐỘNG

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế và Nghị định số 22/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế hướng dẫn việc khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động của các bên có liên quan ở trong nước và ở nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động (sau đây gọi tắt là cơ sở):

1. Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam (trừ các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang);
2. Doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu tại các công trình ở nước ngoài đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại các công trình đó;



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

quyền bằng văn bản trực tiếp quản lý lao động thì người bị tai nạn hoặc người biết sự việc (người lao động, người quản lý) phải báo ngay cho người sử dụng lao động biết.

2. Đối với các vụ tai nạn nêu tại khoản 1 Điều này làm chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên thì cơ sở để xảy ra tai nạn phải khai báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh), cơ quan Công an cấp huyện nơi xảy ra tai nạn và cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp của cơ sở (nếu có) theo nguyên tắc:

a) Tai nạn xảy ra ở tỉnh nào thì khai báo tại tỉnh đó;

b) Trường hợp người bị tai nạn chết trong thời gian điều trị hoặc chết do tái phát của chính vết thương do tai nạn lao động (theo kết luận tại biên bản khám nghiệm pháp y) thì cơ sở có người bị chết phải khai báo với Thanh tra Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh nơi có Đoàn điều tra tai nạn lao động đã tham gia điều tra vụ tai nạn đó, để giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật;

c) Tai nạn xảy ra trong các lĩnh vực: phóng xạ; thăm dò, khai thác dầu khí; các phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường hàng không ngoài việc phải khai báo với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh nơi cơ sở đặt trụ sở chính còn phải khai báo với Bộ, ngành quản lý lĩnh vực đó;

d) Nội dung khai báo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tai nạn xảy ra khi người lao động tham gia giao thông (trừ các trường hợp xảy ra trên tuyến đường thuộc nội bộ cơ sở) làm chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên thì cơ sở có người bị nạn căn cứ vào hồ sơ giải quyết vụ tai nạn của cơ quan Cảnh sát giao thông xử lý vụ tai nạn giao thông đó hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc giấy xác nhận của Công an khu vực tại nơi xảy ra tai nạn để khai báo với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.

Việc khai báo phải thực hiện đúng theo nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Người lao động Việt Nam bị chết hoặc bị tai nạn nặng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ ở nước ngoài thì cơ sở trực tiếp quản lý người lao động đó thực hiện việc khai báo theo nguyên tắc:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được tin báo tai nạn, phải khai báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, nơi cơ sở cử người đi đặt trụ sở chính;

b) Trong trường hợp người lao động do cơ sở khác cử đi bị chết hoặc bị tai



đ) Mời một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết).

3. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp Trung ương:

Do Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành quyết định thành lập theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này).

Thành phần Đoàn gồm:

- a) Đại diện Thanh tra Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, trưởng đoàn;
- b) Đại diện Bộ Y tế, thành viên;
- c) Đại diện Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, thành viên;
- d) Mời đại diện Hội Nông dân Việt Nam, thành viên (trường hợp tai nạn lao động xảy ra cho người lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp);
- đ) Mời một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết).

Điều 7. Thẩm quyền của Đoàn điều tra tai nạn lao động

1. Đoàn điều tra tai nạn cấp cơ sở:

a) Chịu trách nhiệm điều tra các vụ tai nạn xảy ra tại nơi làm việc của cơ sở mình, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Nếu người lao động bị tai nạn thuộc quyền quản lý của cơ sở khác thì cơ sở để xảy ra tai nạn chủ trì và phối hợp với cơ sở quản lý người lao động bị tai nạn tiến hành điều tra theo quy định của Thông tư này;

b) Chủ trì và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại (nước mà các doanh nghiệp của Việt Nam trúng thầu, nhận thầu) trong việc tiến hành điều tra các vụ tai nạn chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên xảy ra cho người lao động Việt Nam tại các công trình mà các doanh nghiệp của Việt Nam trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài (trừ các trường hợp mà người lao động làm việc theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng). Đoàn điều tra tai nạn cấp cơ sở phải tuân thủ pháp luật của nước sở tại khi tiến hành điều tra.

2. Đoàn điều tra tai nạn cấp tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm điều tra các vụ tai nạn chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên xảy ra trên địa bàn tỉnh;

b) Điều tra lại các vụ tai nạn đã được Đoàn điều tra tai nạn cấp cơ sở điều tra trên địa bàn tỉnh; điều tra lại các vụ tai nạn xảy ra cho người lao động Việt Nam tại các công trình do doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài (đối với các doanh nghiệp đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh) trên cơ sở tuân thủ pháp luật của nước sở tại, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng



này thì do các Bộ, ngành quản lý lĩnh vực đó ban hành quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động có sự phối hợp với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, nơi cơ sở có người bị tai nạn đặt trụ sở chính (hoặc Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) và thực hiện việc điều tra, lập biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Nhiệm vụ của Đoàn điều tra tai nạn lao động

1. Khi nhận được tin báo của cơ sở có tai nạn chết người hoặc làm từ hai người lao động bị tai nạn nặng trở lên, Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh thông báo ngay cho các cơ quan thuộc thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này để tham gia Đoàn điều tra tai nạn lao động.

2. Đoàn điều tra tai nạn lao động đến ngay cơ sở để xảy ra tai nạn, yêu cầu người sử dụng lao động cung cấp các tài liệu, hồ sơ, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn và phối hợp với cơ quan Công an huyện hoặc tỉnh tiến hành điều tra tại chỗ để lập biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm thương tích, thu thập dấu vết, vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn.

3. Trưởng Đoàn điều tra tai nạn lao động có nhiệm vụ:

a) Quyết định tiến hành điều tra để bảo đảm việc điều tra được kịp thời, trong trường hợp đại diện của một trong các cơ quan có liên quan nêu tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 và điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư này vắng mặt;

b) Phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên trong Đoàn điều tra;

c) Khi các thành viên trong Đoàn điều tra còn có những vấn đề chưa thống nhất thì Trưởng đoàn tổ chức thảo luận trong Đoàn để đi đến sự thống nhất chung. Nếu không đạt được sự thống nhất chung thì Trưởng đoàn quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

d) Công bố biên bản điều tra tai nạn lao động.

4. Các thành viên Đoàn điều tra tai nạn lao động có nhiệm vụ:

a) Thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng đoàn phân công và tham gia vào hoạt động chung của Đoàn điều tra;

b) Có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lãnh đạo cơ quan trực tiếp quản lý mình;

c) Không được tiết lộ các thông tin, tài liệu trong quá trình điều tra khi chưa công bố Biên bản điều tra.



lâm thời hoặc đại diện tập thể người lao động khi cơ sở chưa thành lập tổ chức công đoàn;

- Đại diện cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp của cơ sở (nếu thấy cần thiết);
- Các thành viên tham gia dự cuộc họp có ý kiến chưa nhất trí với nội dung biên bản điều tra tai nạn lao động thì được ghi ý kiến và ký tên của mình vào biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động.

2. Đối với Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh:

a) Thực hiện các nội dung như đã nêu tại điểm a, b, c và điểm d, khoản 1 Điều này.

b) Lập Biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này đối với từng vụ tai nạn lao động;

c) Tổ chức cuộc họp và lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này tại cơ sở để xảy ra tai nạn.

Thành phần cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động gồm:

- Trưởng đoàn điều tra tai nạn lao động (Chủ trì cuộc họp);
- Các thành viên đoàn điều tra tai nạn lao động;
- Người sử dụng lao động (Chủ cơ sở) hoặc người được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản;
- Người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn, người biết sự việc, người có liên quan đến vụ tai nạn;
- Đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn lâm thời khi cơ sở chưa thành lập tổ chức công đoàn;
- Mời đại diện cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (trong trường hợp xảy ra tai nạn lao động chết người).

d) Các thành viên tham gia dự họp có ý kiến chưa nhất trí với nội dung biên bản điều tra tai nạn lao động thì được ghi ý kiến và ký tên của mình vào biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động; người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động và thực hiện các kiến nghị của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động, Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh phải gửi (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) biên bản điều tra tai nạn lao động và biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động



tính từ khi Đoàn điều tra tai nạn lao động nhận được đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn từ cơ quan Cảnh sát điều tra. Không quá 40 ngày làm việc đối với vụ tai nạn lao động cần phải giám định kỹ thuật hoặc giám định pháp y.

2. Đối với vụ tai nạn chết người hoặc làm từ hai người bị tai nạn nặng trở lên cần gia hạn thời hạn điều tra thì trước khi hết hạn điều tra 05 ngày làm việc, Trưởng đoàn điều tra tai nạn lao động phải báo cáo và xin phép người ban hành quyết định thành lập Đoàn điều tra. Thời hạn gia hạn điều tra không vượt quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Hồ sơ vụ tai nạn lao động

1. Hồ sơ vụ tai nạn lao động bao gồm:

- a) Biên bản khám nghiệm hiện trường;
- b) Sơ đồ hiện trường;
- c) Ảnh hiện trường, ảnh nạn nhân;
- d) Biên bản khám nghiệm tử thi hoặc khám nghiệm thương tích;
- d) Biên bản giám định kỹ thuật, giám định pháp y (nếu có);
- e) Biên bản lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn lao động;
- g) Biên bản điều tra tai nạn lao động;
- h) Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động;
- i) Giấy chứng thương của bệnh viện được điều trị;
- k) Giấy ra viện của bệnh viện được điều trị (nếu có).

2. Trong một vụ tai nạn lao động, nếu có nhiều người bị tai nạn lao động thì mỗi người bị tai nạn lao động phải có một bộ hồ sơ riêng.

3. Thời gian lưu trữ hồ sơ tai nạn lao động tại cơ sở xảy ra tai nạn lao động và các cơ quan thành viên Đoàn điều tra được quy định tại khoản 9 Điều 13 Thông tư này.

Điều 12. Điều tra lại tai nạn lao động khi có khiếu nại, tố cáo

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày công bố biên bản điều tra tai nạn lao động, nếu có khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật thì việc điều tra lại được tiến hành trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, cơ quan, tổ chức nào ban hành quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại,



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

thành các bước điều tra theo quy định của Thông tư này và được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan Công an hoặc Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh.

4. Cung cấp ngay tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn theo yêu cầu của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu, đồ vật, phương tiện đó.

5. Tạo điều kiện cho người có liên quan đến vụ tai nạn cung cấp thông tin cho Đoàn điều tra tai nạn lao động khi được yêu cầu.

6. Tổ chức điều tra các vụ tai nạn lao động theo quy định tại khoản 1, Điều 7 của Thông tư này.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc lập Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động. Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gửi (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) Biên bản điều tra tai nạn lao động và Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động tới các tổ chức, cá nhân sau:

a) Người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân người bị nạn;

b) Thanh tra Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh, nơi cơ sở có người bị nạn đặt trụ sở chính;

c) Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh, nơi cơ sở có người bị nạn đặt trụ sở chính để giải quyết chế độ tai nạn lao động cho người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp của cơ sở (nếu có).

8. Thông báo đầy đủ thông tin liên quan về tai nạn lao động tới tất cả người lao động thuộc cơ sở của mình.

9. Hoàn chỉnh hồ sơ và lưu trữ hồ sơ tai nạn lao động cho người lao động trong thời gian như sau:

a) 15 năm đối với vụ tai nạn lao động chết người;

b) Đến khi người bị tai nạn lao động nghỉ hưu đối với vụ tai nạn lao động khác.

10. Thanh toán các khoản chi phí phục vụ cho việc điều tra tai nạn lao động kể cả việc điều tra lại tai nạn lao động, bao gồm:

a) Dựng lại hiện trường;

b) Chụp, in, phóng ảnh hiện trường và nạn nhân;

c) Trưng cầu giám định kỹ thuật, giám định pháp y (khi cần thiết);

d) Khám nghiệm tử thi;



TRANG VÀNG AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

xảy ra tai nạn lao động thì ghi rõ trong báo cáo là “không có tai nạn lao động”;

b) Mọi cơ sở đều phải thực hiện việc báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động (6 tháng và một năm) theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này, theo nguyên tắc:

- Cơ sở đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh nào thì phải gửi Báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh đó; báo cáo phải gửi trước ngày 05 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 10 tháng 01 năm sau đối với báo cáo cả năm (trực tiếp hoặc bằng fax, bưu điện, thư điện tử).

2. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh:

a) Tổng hợp tình hình tai nạn lao động xảy ra trong 6 tháng đầu năm và một năm của các cơ sở đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh;

b) Gửi Báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục An toàn lao động) và Cục Thống kê tỉnh trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 25 tháng 01 năm sau đối với báo cáo một năm.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ sở có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc những quy định tại Thông tư này, tăng cường các biện pháp cải thiện điều kiện lao động; định kỳ tổ chức, đánh giá những yếu tố nguy hiểm, tác hại nghề nghiệp ở từng khu vực làm việc và môi trường xung quanh; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người sử dụng lao động và người lao động để phòng ngừa tai nạn lao động.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này đến tất cả các cơ sở trên địa bàn tỉnh.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở thuộc quyền quản lý thực hiện các quy định tại Thông tư này.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: định kỳ 6 tháng, một năm thông báo tình hình tai nạn lao động trong phạm vi cả nước.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 7 năm 2012.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 14/2005/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 08/3/2005 của Liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn việc khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê và báo cáo định kỳ tai nạn lao động kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.